

CHÂU Á

ĐỊA HÌNH - KHOÁNG SẢN



TỈ LỆ 1 : 60.000.000

CHÚ GIẢI

Phân tầng địa hình



- | | | | | | | | |
|--------|--------------|---|---------------------|---|---------|---|-----------|
| ▲ 8848 | Điểm, độ cao | → | Dòng biển nóng | ▲ | Sắt | ◆ | Thiếc |
| 10540 | Độ sâu | ← | Dòng biển lạnh | ⊠ | Crôm | ⊠ | Bôxít |
| ☀ | Núi lửa | ~ | Ranh giới băng trôi | ⊠ | Mangan | ⊠ | Niken |
| ~ | Sông, hồ | ▲ | Dầu mỏ | ⊠ | Vonfram | ⊠ | Chì - kẽm |
| ⋯ | Hoang mạc | △ | Khí tự nhiên | ◆ | Titan | ● | Vàng |
| ~ | Kênh đào | ■ | Than | ■ | Đồng | | |

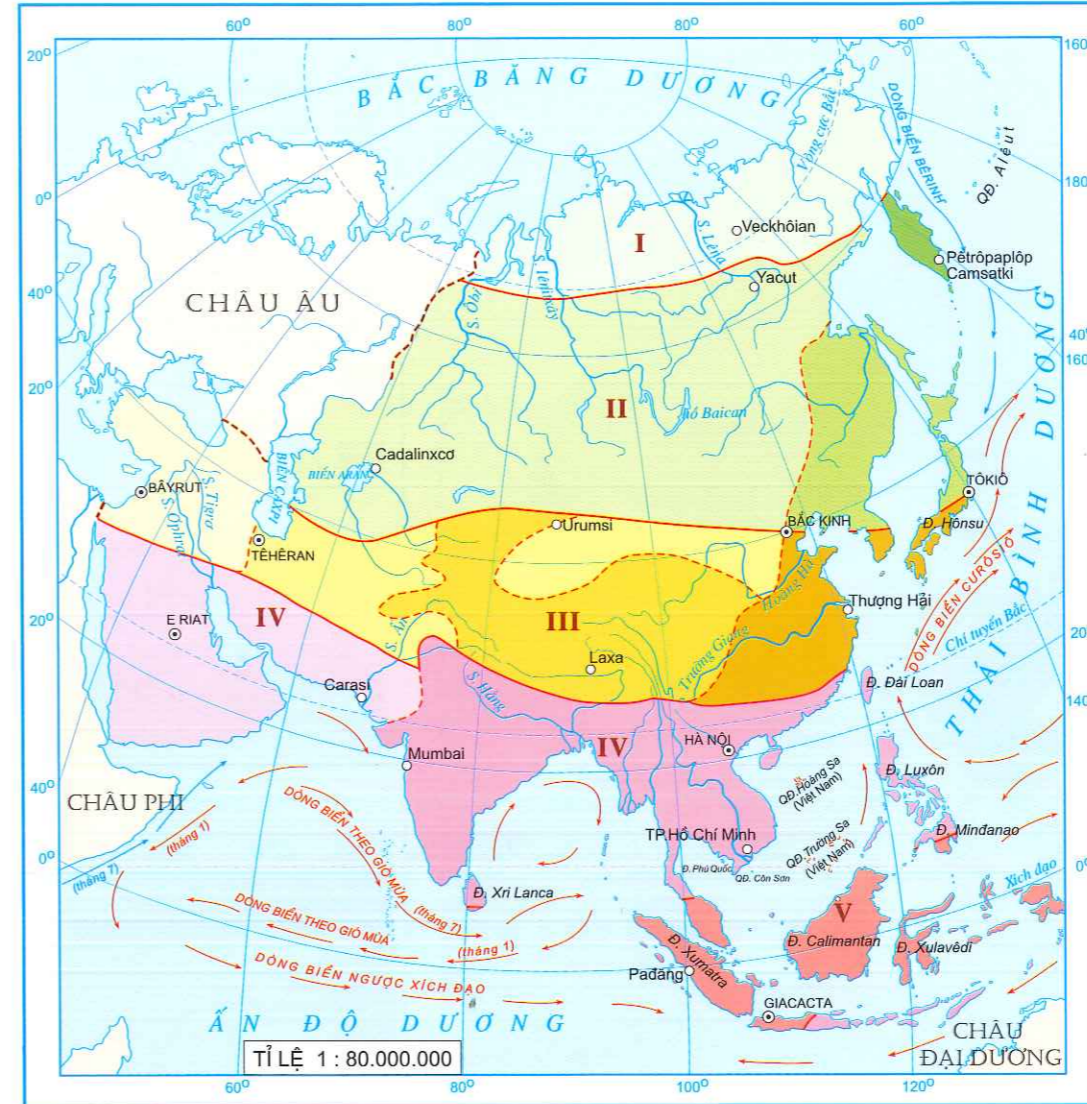


Đỉnh Êvơrét - 8848 m

4 Dựa vào bản đồ, em hãy cho biết : Châu Á tiếp giáp với các biển và đại dương nào? Tìm và đọc tên các dãy núi chính, đồng bằng và các sông lớn.

CHÂU Á

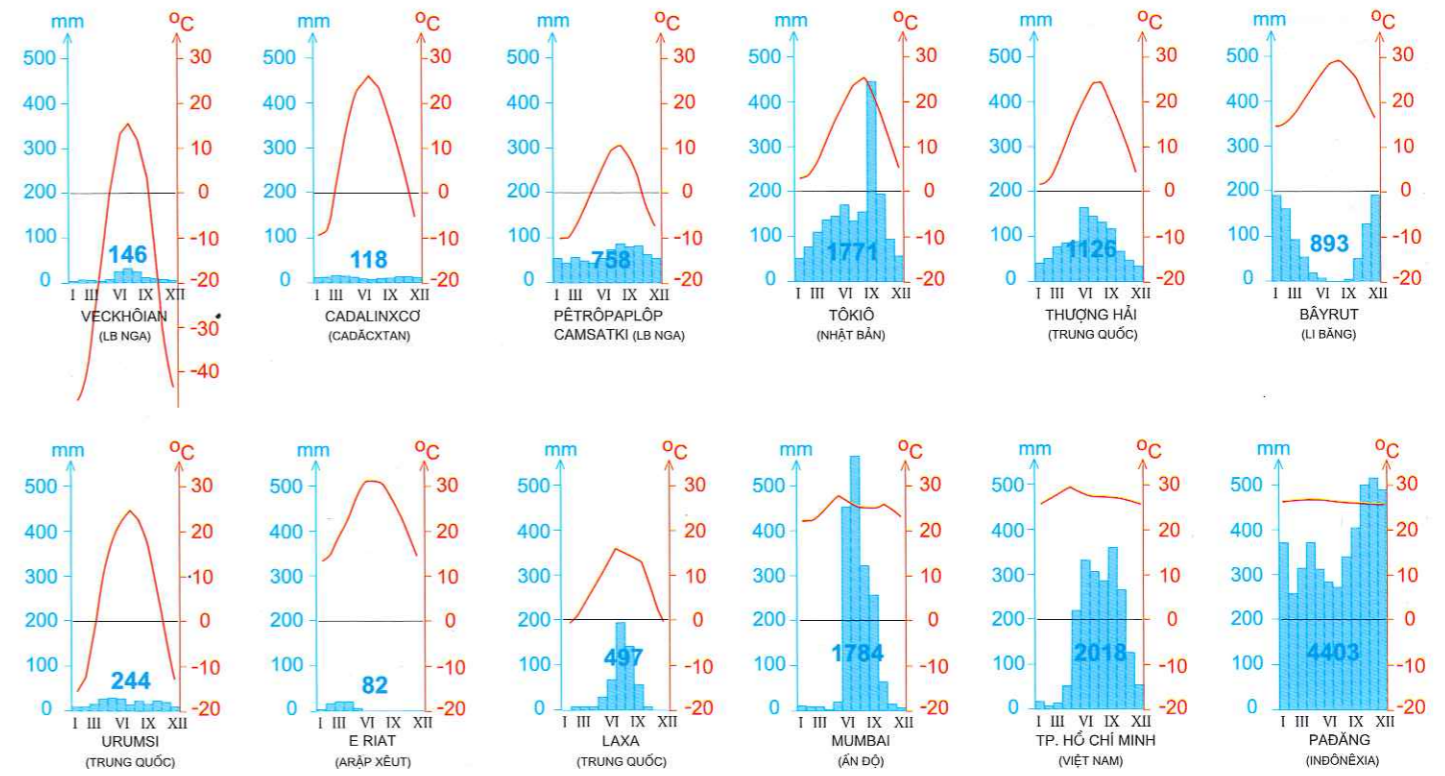
CÁC ĐỚI VÀ CÁC KIỂU KHÍ HẬU



TỈ LỆ 1 : 80.000.000

CHÚ GIẢI

- I. ĐỚI KHÍ HẬU CỰC VÀ CẬN CỰC
 - II. ĐỚI KHÍ HẬU ÔN ĐỚI
 - Kiểu khí hậu ôn đới lục địa
 - Kiểu khí hậu ôn đới gió mùa
 - Kiểu khí hậu ôn đới hải dương
 - III. ĐỚI KHÍ HẬU CẬN NHIỆT
 - Kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải
 - Kiểu khí hậu cận nhiệt núi cao
 - Kiểu khí hậu cận nhiệt gió mùa
 - IV. ĐỚI KHÍ HẬU NHIỆT ĐỚI
 - Kiểu khí hậu nhiệt đới khô
 - Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa
 - V. ĐỚI KHÍ HẬU XÍCH ĐẠO
- Dòng biển nóng
 ← Dòng biển lạnh
 - - - Ranh giới châu lục
 - - - Ranh giới đới khí hậu
 - - - Ranh giới kiểu khí hậu



5 Dựa vào bản đồ, em hãy : Đọc tên các đới và các kiểu khí hậu từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo dọc theo kinh tuyến 100° Đ. Giải thích tại sao châu Á lại chia ra nhiều đới và kiểu khí hậu như vậy?

CHÂU Á



CÁC ĐỐI CẢNH QUAN

- CHÚ GIẢI**
- Đài nguyên
 - Rừng lá kim (taiga)
 - Rừng hỗn hợp và rừng lá rộng
 - Thảo nguyên
 - Rừng và cây bụi lá cứng địa trung hải
 - Rừng cận nhiệt đới ẩm
 - Rừng nhiệt đới ẩm
 - Xavan và cây bụi
 - Hoang mạc và bán hoang mạc
 - Cảnh quan núi cao



Cảnh quan đài nguyên



Cảnh quan rừng lá kim



Cảnh quan thảo nguyên



Cảnh quan địa trung hải



Cảnh quan hoang mạc



Cảnh quan xa van, cây bụi



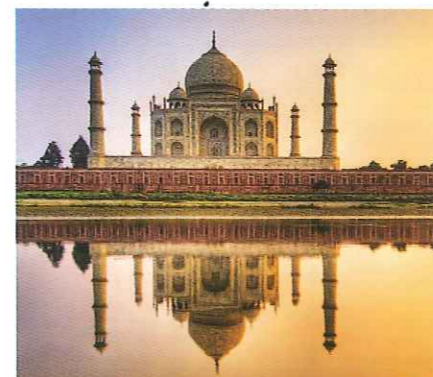
Cảnh quan núi cao



Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm

CHÂU Á

HÀNH CHÍNH



Đền Tat Mahan - Ấn Độ

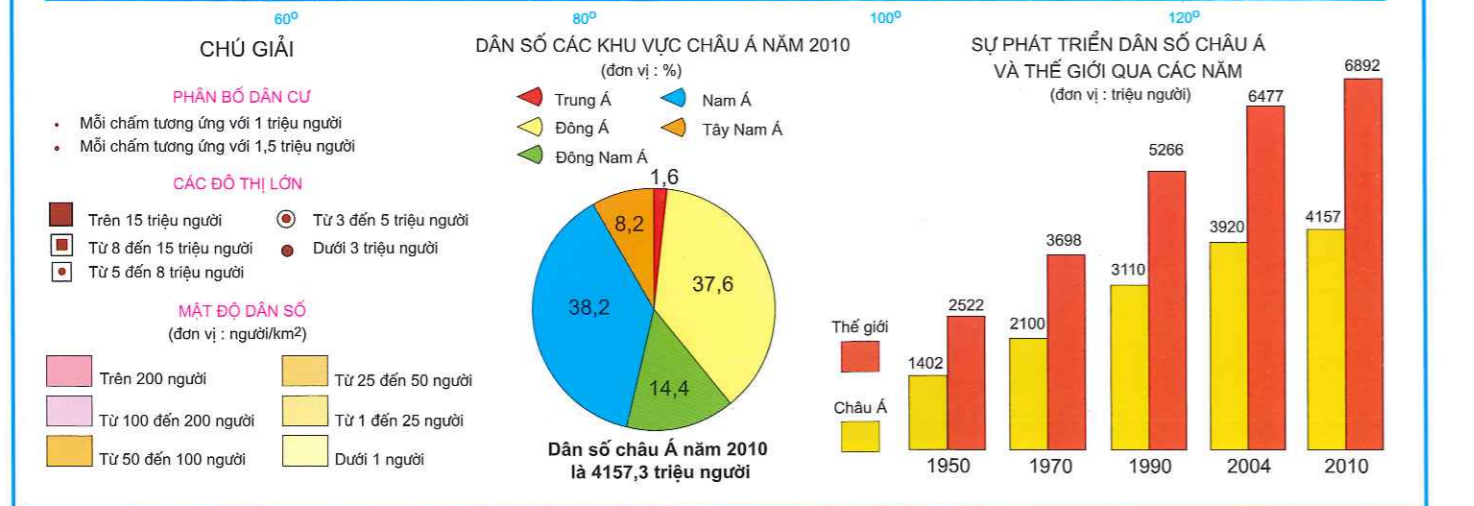


Cột cờ Hà Nội - Việt Nam

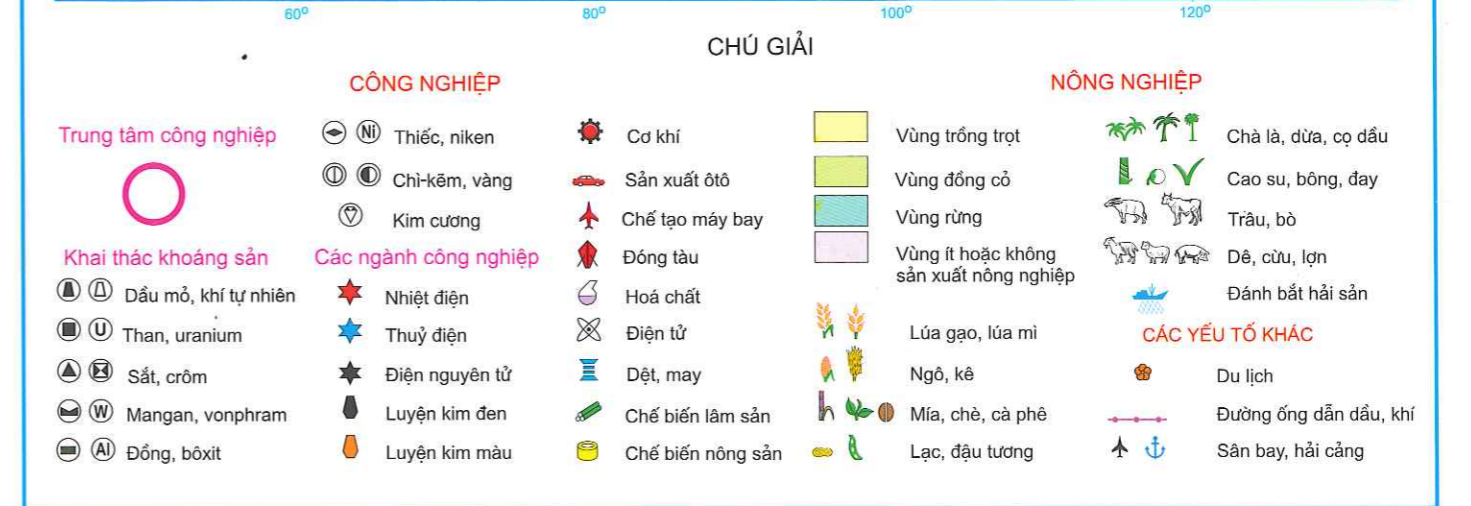


Thiên Đàn ở Bắc Kinh - Trung Quốc

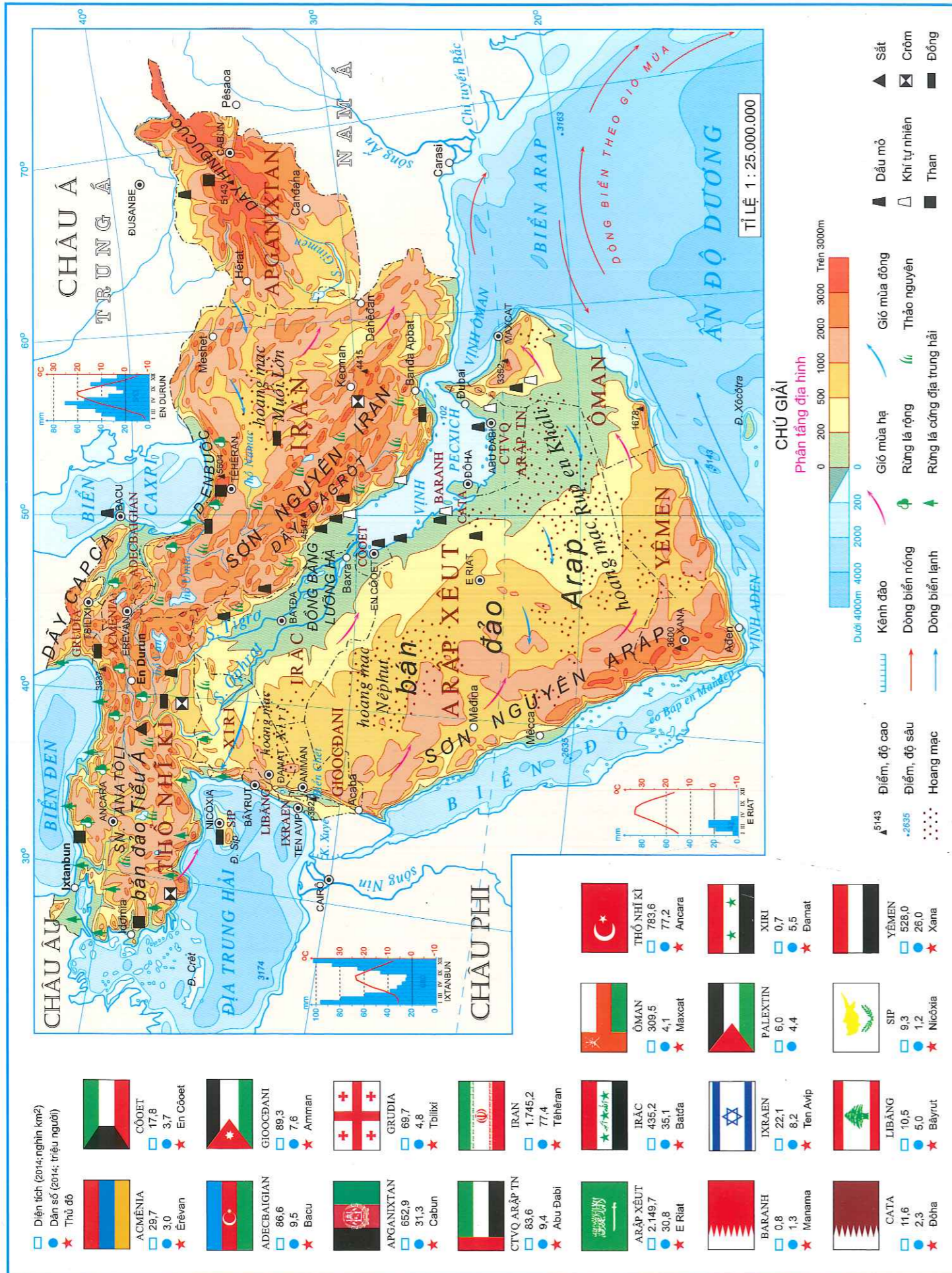
6 Dựa vào bản đồ, em hãy : Đọc tên các đới cảnh quan châu Á theo thứ tự từ bắc xuống nam dọc theo kinh tuyến 80° Đ. Ghi tên các cảnh quan phân bố ở khu vực khí hậu gió mùa và các cảnh quan ở khu vực khí hậu lục địa khô hạn.



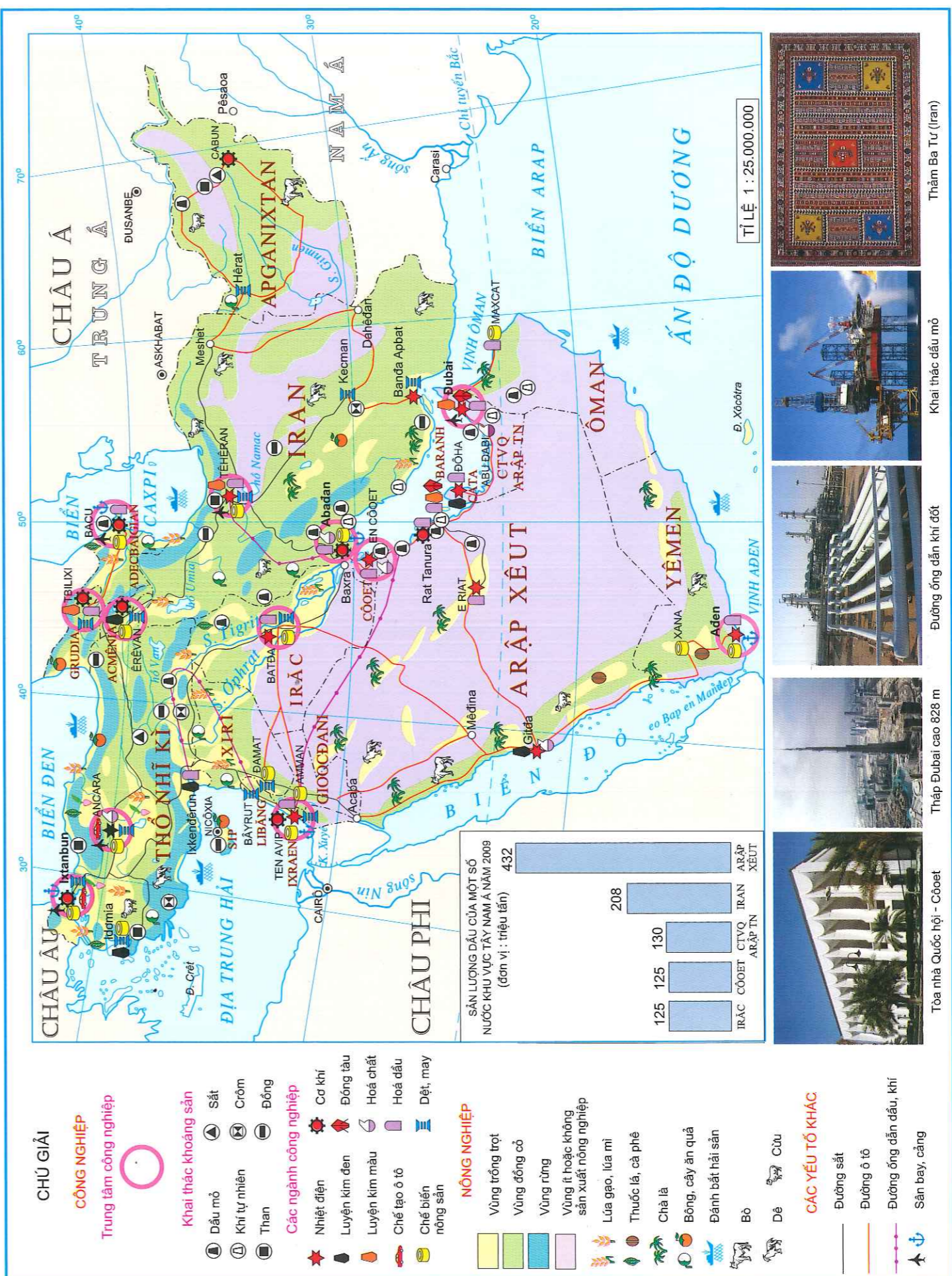
8 Dựa vào bản đồ, em hãy : Đọc tên các thành phố có trên 8 triệu người. Cho biết các thành phố lớn của châu Á thường tập trung ở khu vực nào ? Vì sao lại có sự phân bố đó ?



9 Dựa vào bản đồ, em hãy cho biết : Các nước thuộc khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng, vật nuôi nào là chủ yếu ? Những nước nào khai thác nhiều than và dầu mỏ ?



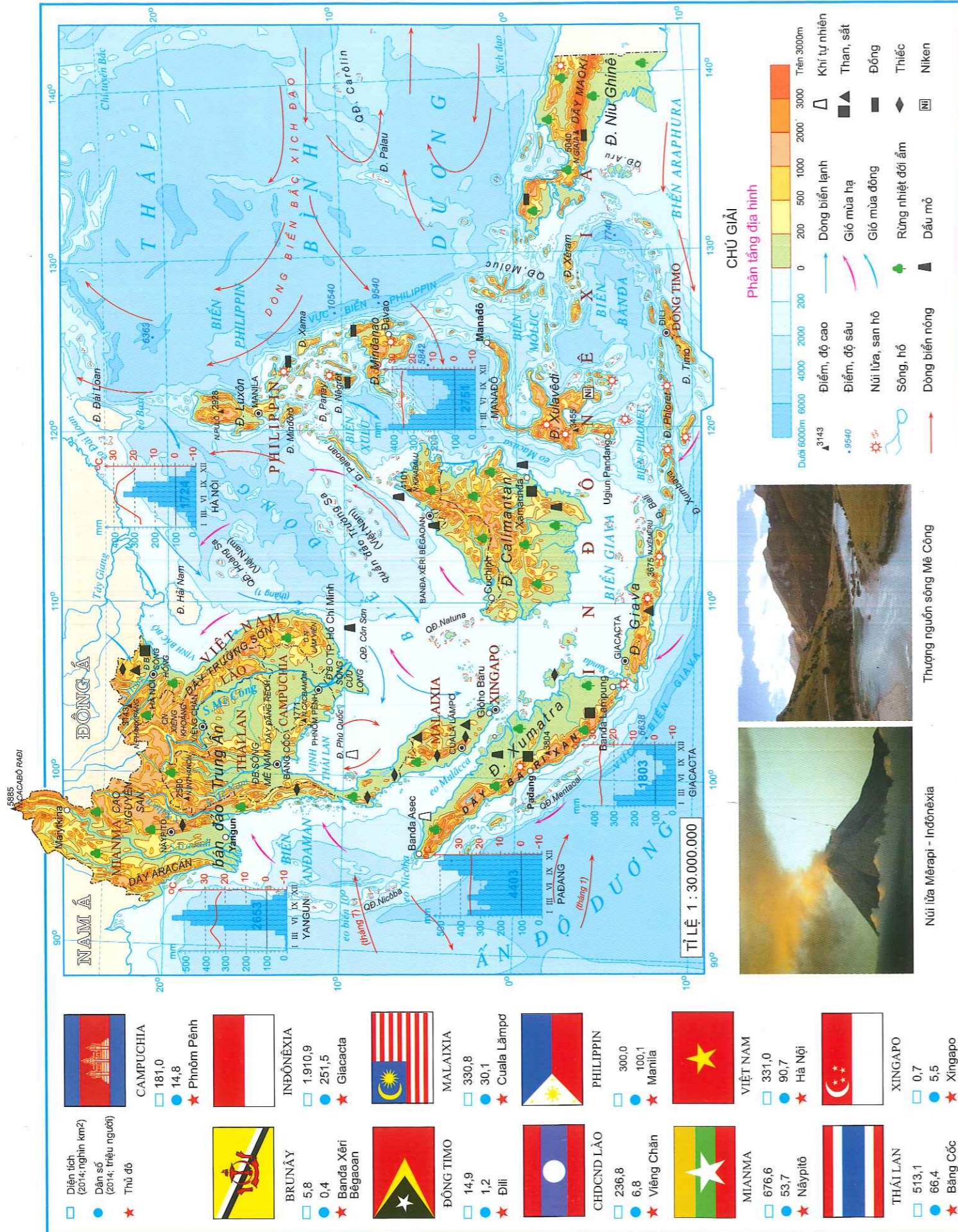
1. Dựa vào bản đồ, em hãy cho biết khu vực Tây Nam Á tiếp giáp với các vịnh, biển, các khu vực và châu lục nào?
2. Dựa vào bản đồ Các đới cảnh quan ở trang 6, em hãy kể tên các đới cảnh quan ở khu vực Tây Nam Á.



1. Dựa vào bản đồ, em hãy cho biết ở khu vực Tây Nam Á ngành kinh tế nào phát triển mạnh nhất, ở những nước nào?
2. Dựa vào bản đồ ở trang 10, em hãy cho biết nước nào có diện tích lớn nhất, nước nào có diện tích nhỏ nhất?

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

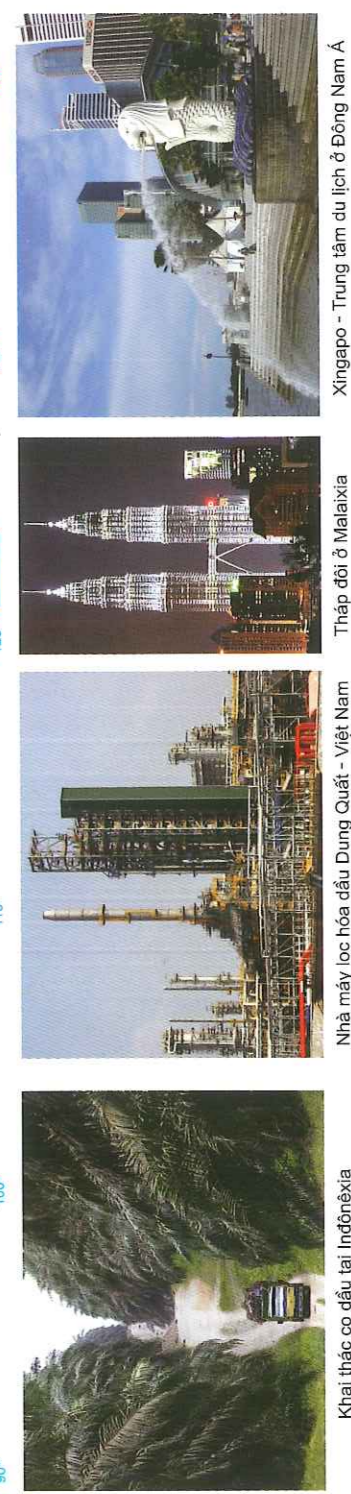
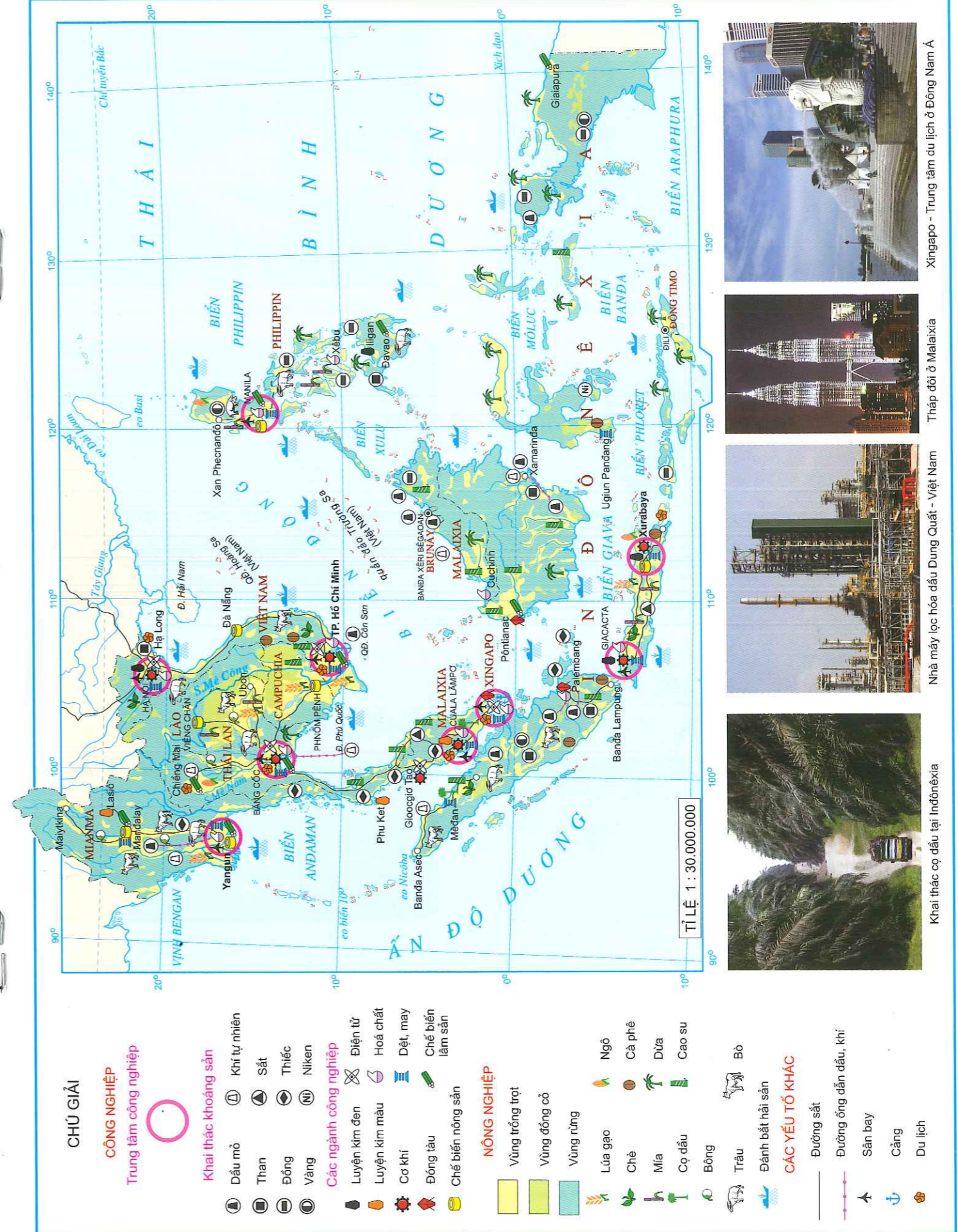
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN



Đông Nam Á tiếp giáp với các biển và đại dương nào? Kể tên một số khoáng sản chính và nơi phân bố (ở quốc gia nào). Sông Mê Công chảy qua những nước nào trong khu vực?

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

ĐỊA LÍ KINH TẾ



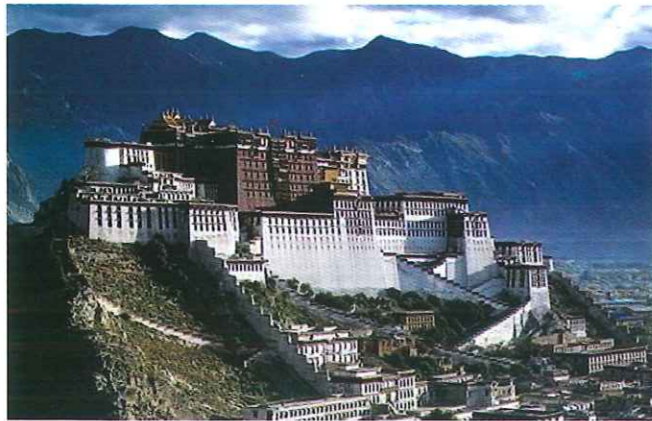
Dựa vào bản đồ, em hãy cho biết khu vực Đông Nam Á có những ngành công nghiệp chủ yếu nào? Phân bố ở đâu?



Sông Hằng đoạn chảy qua thành phố Varanasi (Ấn Độ)



Biển Chết nằm trên biên giới Giocđani và Ixraen



Điện Pótala ở Laxa - Trung Quốc



Hoang mạc Gôbi, hoang mạc lạnh nhất châu Á



Hồ Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam



Lễ hành hương của người Hồi giáo về Thánh địa Mecca

Diện tích: 43.608.000 km²
 Cực Bắc: vĩ Actixexu (LB Nga) 81°12' B
 Cực Nam : vĩ Pamana (Indônêxia) 11° N
 Cực Tây: vĩ Baba (Thổ Nhĩ Kì) 26° 4' Đ
 Cực Đông: vĩ Đêgionep (LB Nga) 169° 40' T
 Nơi cao nhất: đỉnh Êvoret 8.848 m (dãy Himalaya)
 Nơi thấp nhất: mép nước Biển Chết -392m
 Đảo lớn nhất: Calimantan 757.000km²
 Sông dài nhất: Trường Giang (Trung Quốc) 6.300km
 Hồ lớn nhất: Caxpi 371.000km²
 Hồ sâu nhất: Baican -1620m
 Nhiệt độ tối cao tuyệt đối: 54°C (Tirat Tsvi, Ixraen)

Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối: - 68°C (Veckhônian, LB Nga)
 Lượng mưa cao nhất: 10.824 mm/năm (Sêrapundi, Ấn Độ)
 Lượng mưa thấp nhất: 20 mm/năm (Tuôcphan, Trung Quốc)
 Dân số năm 2014 (không tính LB Nga): 4.351,0 triệu người
 Nước có diện tích lớn nhất (không tính LB Nga): Trung Quốc (9.564.000km²)
 Nước có diện tích nhỏ nhất: Manđivơ (300km²)
 Nước đông dân nhất năm 2014: Trung Quốc (1.395,3 triệu người)
 Nước ít dân nhất năm 2014: Mandivơ (0,4 triệu người)
 GDP bình quân / người cao nhất năm 2014: Cata (146.011,9 USD)
 GDP bình quân / người thấp nhất năm 2014: Nêpan (2.516,9 USD)
 Thành phố đông dân nhất: Tôkiô (Nhật Bản) 28 triệu người

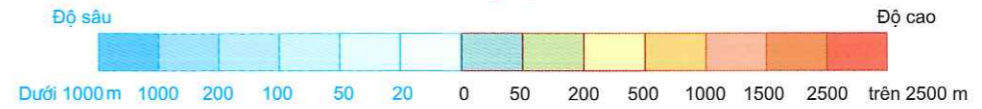
ĐỊA LÍ VIỆT NAM

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

KÍ HIỆU CHUNG

CÁC YẾU TỐ TỰ NHIÊN

Phân tầng địa hình



- ▲ 3143 Điểm, độ cao
- 5567 Điểm, độ sâu
- X Ω Đèo, hang động
- ~ Sông, hồ, thác
- Kênh đào
- Đầm lầy
- Bãi cát
- San hô
- Bãi cát ngầm
- Dòng biển nóng
- Dòng biển lạnh
- Gió mùa hạ
- Gió mùa đông
- Gió tây khô nóng
- Gió tín phong

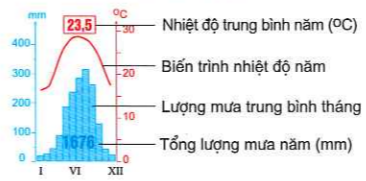
Khoáng sản

- ▲ Dầu mỏ
- ▲ Khí tự nhiên
- Than đá
- Than nâu
- Than bùn
- Uranium
- ▲ Sắt
- Crôm
- Mangan
- ◆ Titan
- Vonfram
- Môlipđen
- Đồng
- ◆ Thiếc
- Bôxít
- Niken
- Antimoan
- Thủy ngân
- Asen
- Chì - kẽm
- Vàng
- Đất hiếm
- Apatit
- ▲ Pirit
- Graphit
- Atbet
- Mica
- Đá axit
- Đá vôi xi măng
- Sét, cao lanh
- ◆ Đá quý
- Cát thủy tinh
- Nước khoáng

Thực vật, động vật

- 🌲 Rừng ôn đới trên núi cao
- 🌿 Rừng cận nhiệt đới ẩm
- 🌿 Rừng nhiệt đới ẩm
- 🌿 Trảng cỏ, cây bụi
- 🌿 Rừng rụng lá (rừng khộp)
- 🌿 Rừng ngập mặn, ngập nước
- 🐘 Voi
- 🐮 Bò tót
- 🐪 Hươu
- 🐘 Sao la
- 🐘 Mang lớn
- 🐘 Sơn dương
- 🐘 Khỉ
- 🐘 Voọc
- 🐘 Sóc đen Côn Đảo
- 🐘 Cá sấu
- 🐘 Sếu đầu đỏ
- 🐘 Chim yến
- 🐘 Đồi mồi
- 🐘 Cá
- 🐘 Mực
- 🐘 Tôm

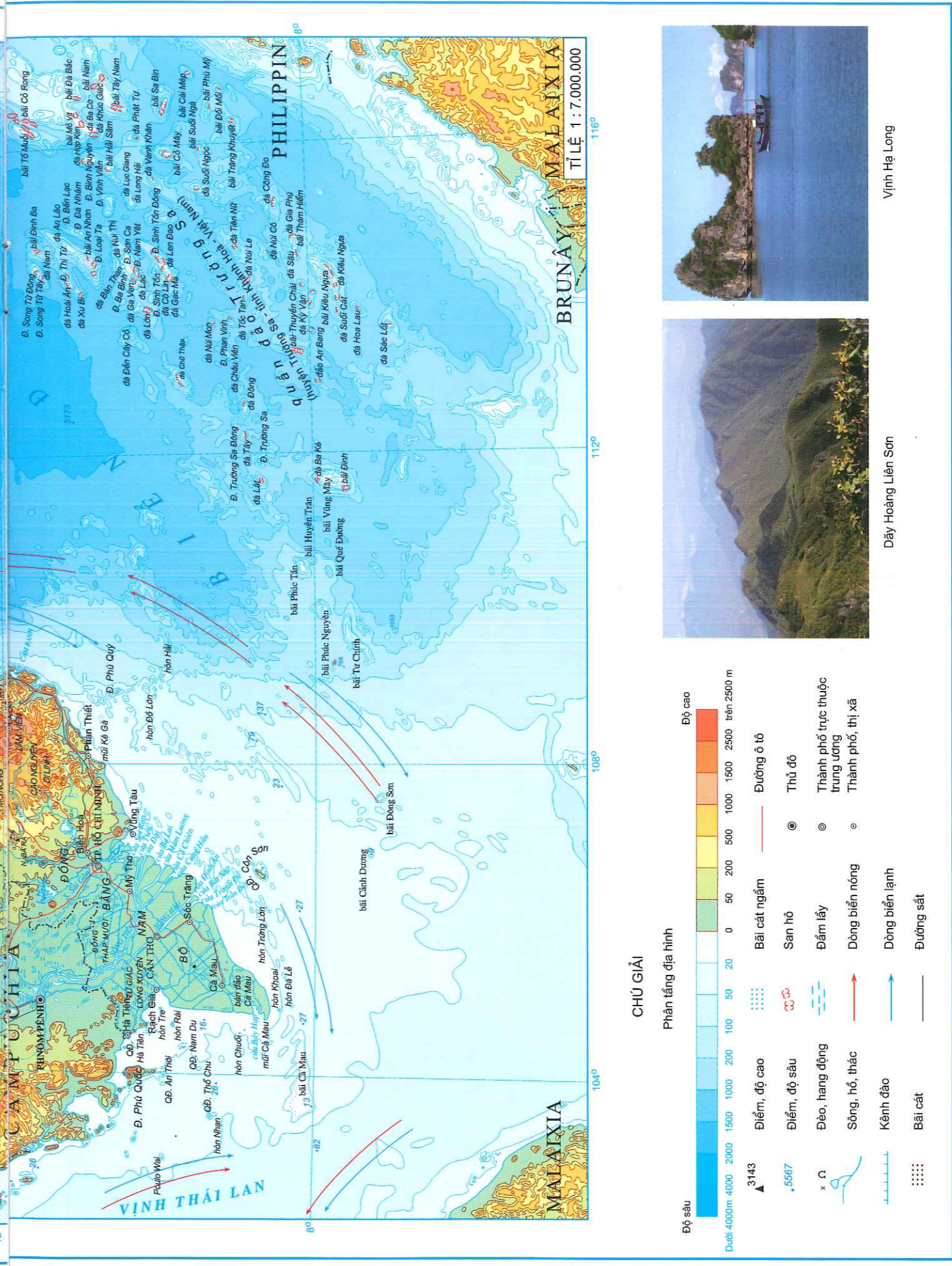
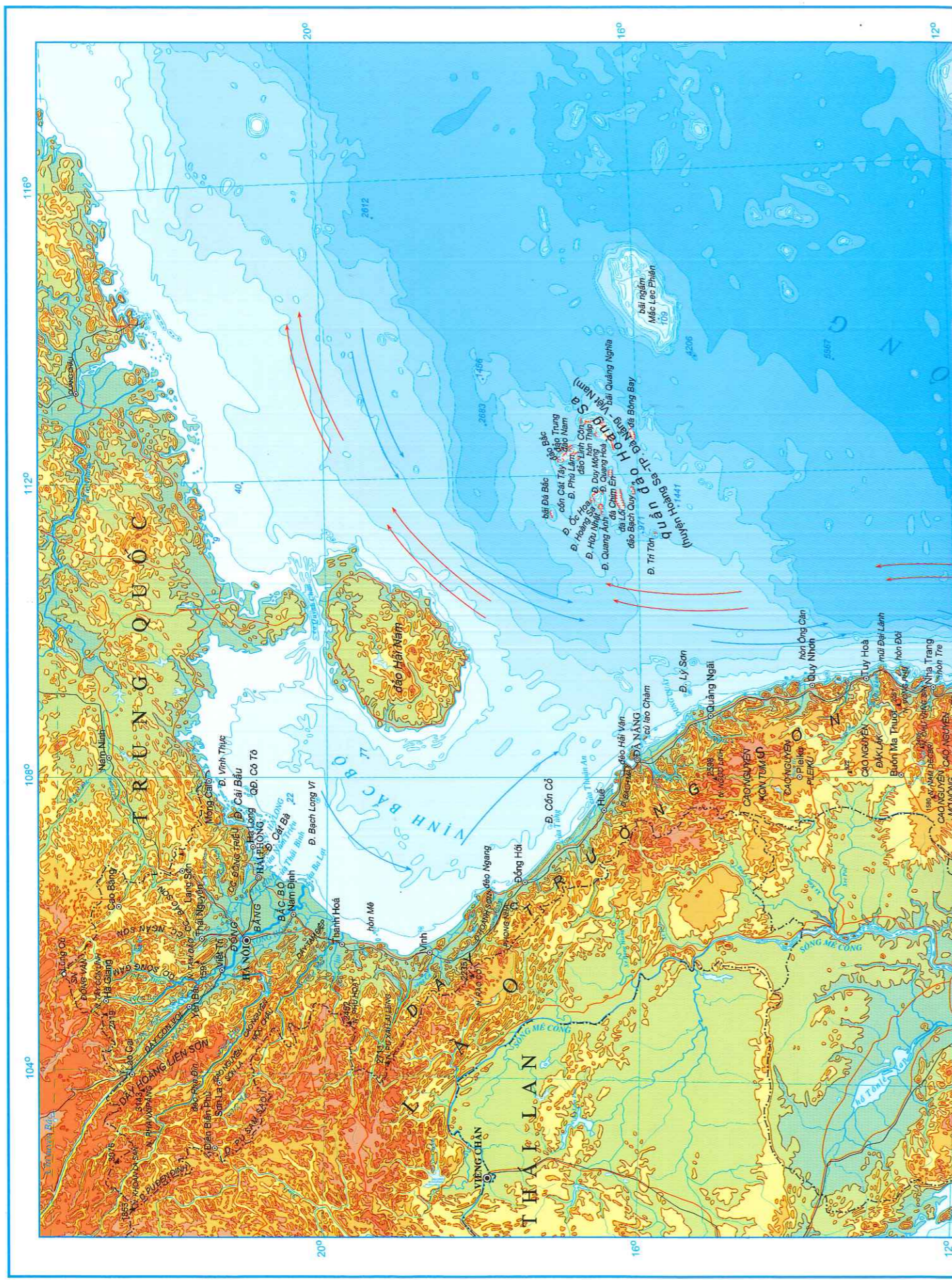
Biểu đồ nhiệt, ẩm



CÁC YẾU TỐ KHÁC

Các cấp hành chính	TỈ LỆ 1 : 3.500.000	TỈ LỆ 1 : 7.000.000	TỈ LỆ 1 : 9.000.000
Thủ đô	◎ HÀ NỘI	◎ HÀ NỘI	◎ HÀ NỘI
Thành phố trực thuộc trung ương	◎ ĐÀ NẴNG	◎ ĐÀ NẴNG	○ Đà Nẵng
Thành phố	◎ VIỆT TRÌ	◎ Việt Trì	
Thị xã	○ LAI CHÂU		
Điểm dân cư khác	○ Lũng Cú		

- Biên giới quốc gia
- Ranh giới miền tự nhiên
- Đường ô tô, số đường
- Đường sắt



Vịnh Hạ Long



Dãy Hoàng Liên Sơn

CHỮ GIẢI

Phân tầng địa hình

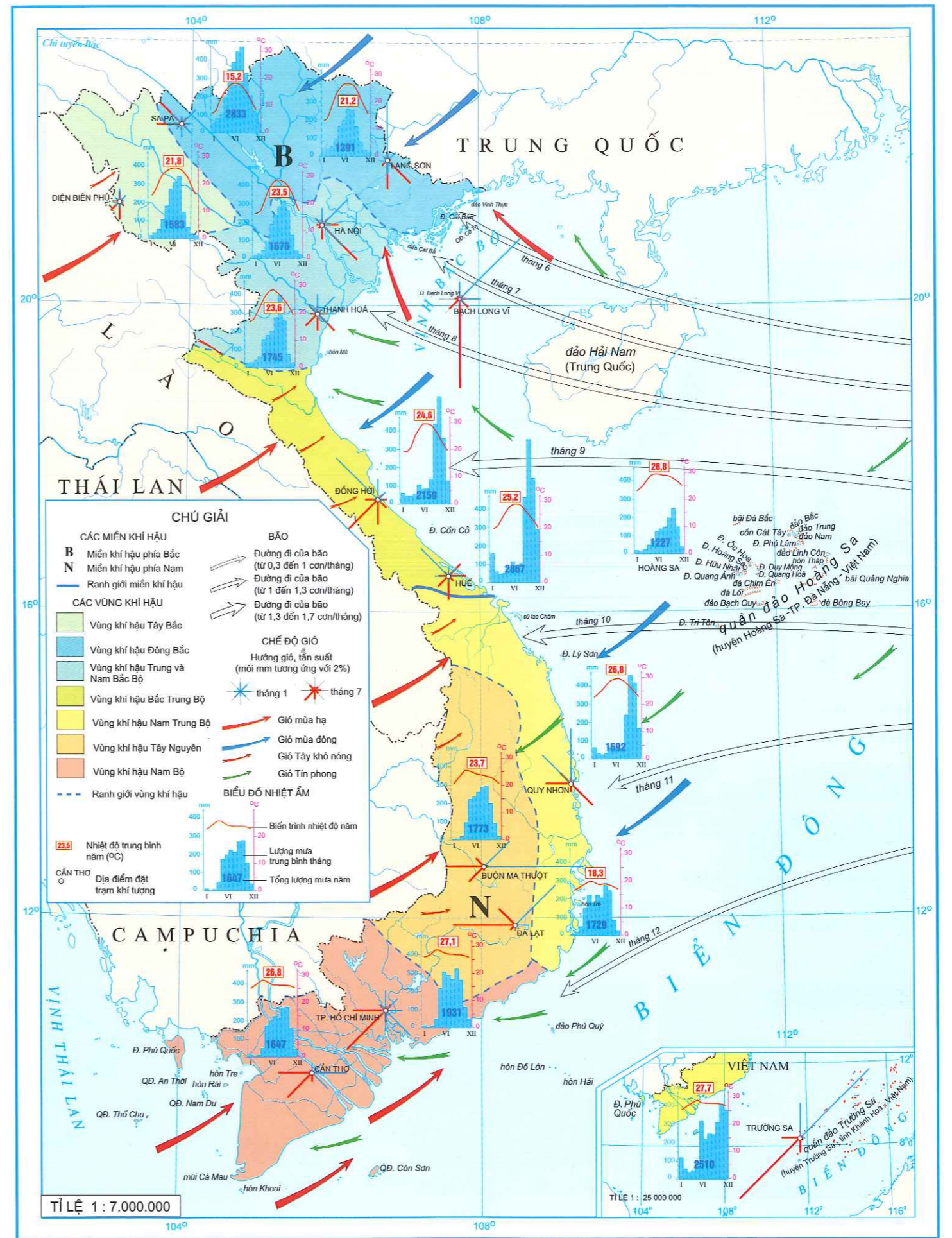
Độ sâu	Độ cao	Điểm, độ cao	Điểm, độ sâu	Đèo, hang động	Sông, hồ, thác	Kênh đào	Bãi cát	Bãi cát ngầm	San hô	Đám mây	Dòng biển nóng	Dòng biển lạnh	Đường sắt	Đường ô tô	Thủ đô	Thành phố trực thuộc trung ương	Thành phố, thị xã
▲ 3143	▲ 5567	x Ω	Ω	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—

KHOÁNG SẢN

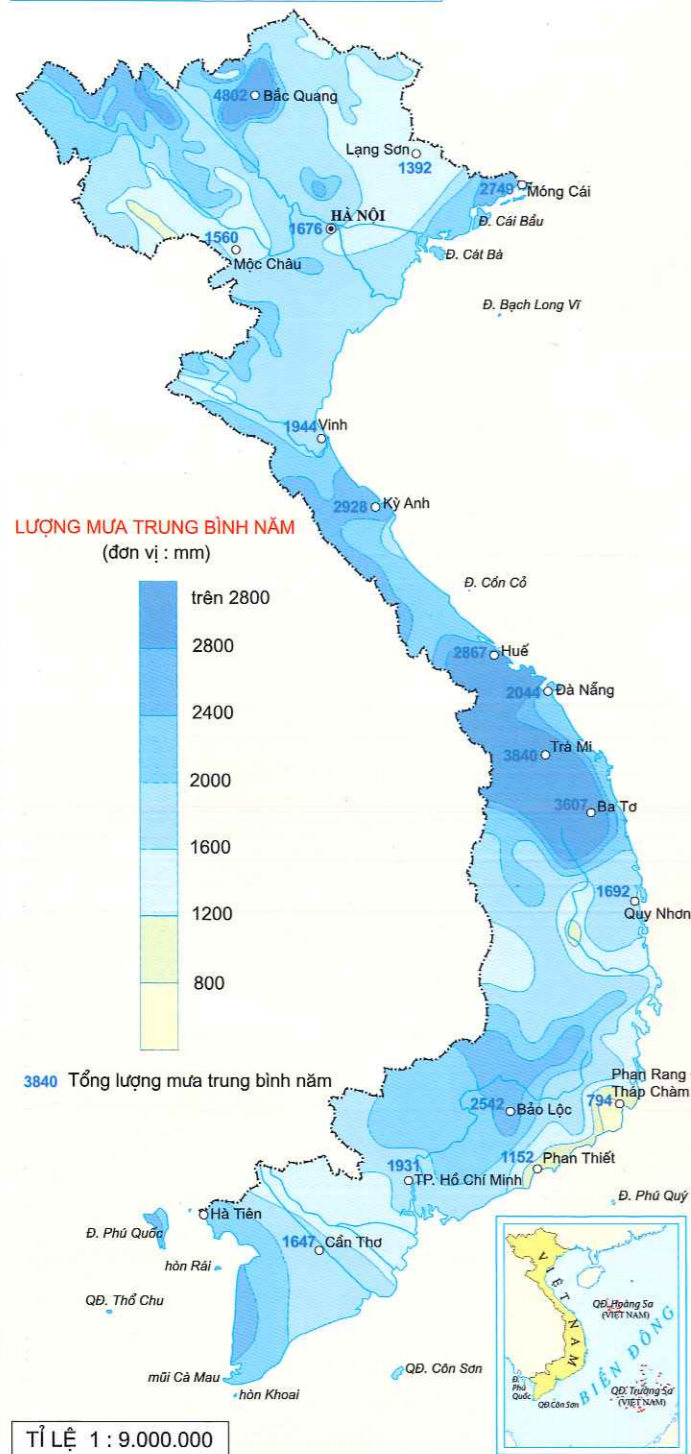


KHÍ HẬU

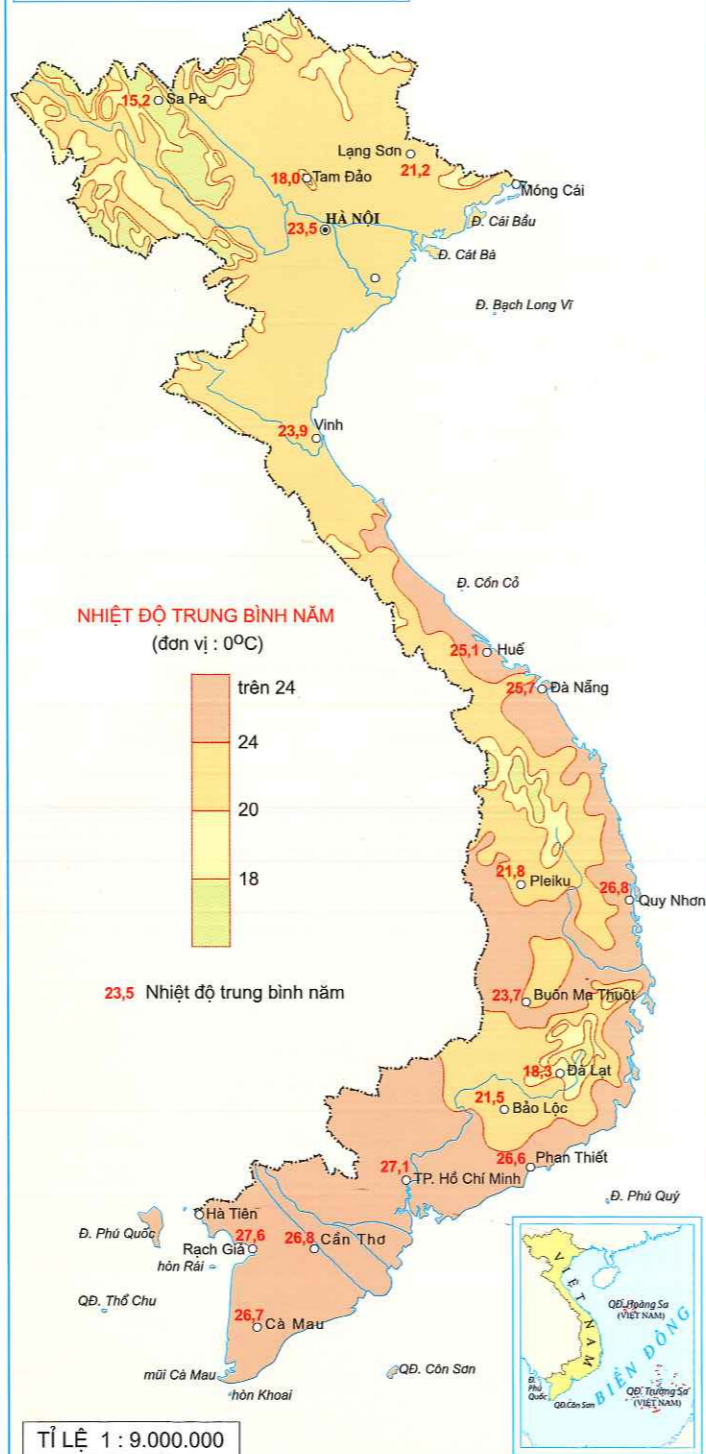
KHÍ HẬU CHUNG



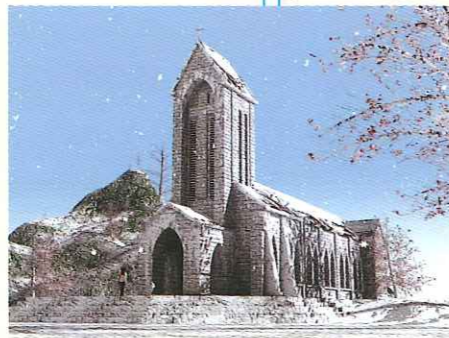
LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH NĂM



NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM



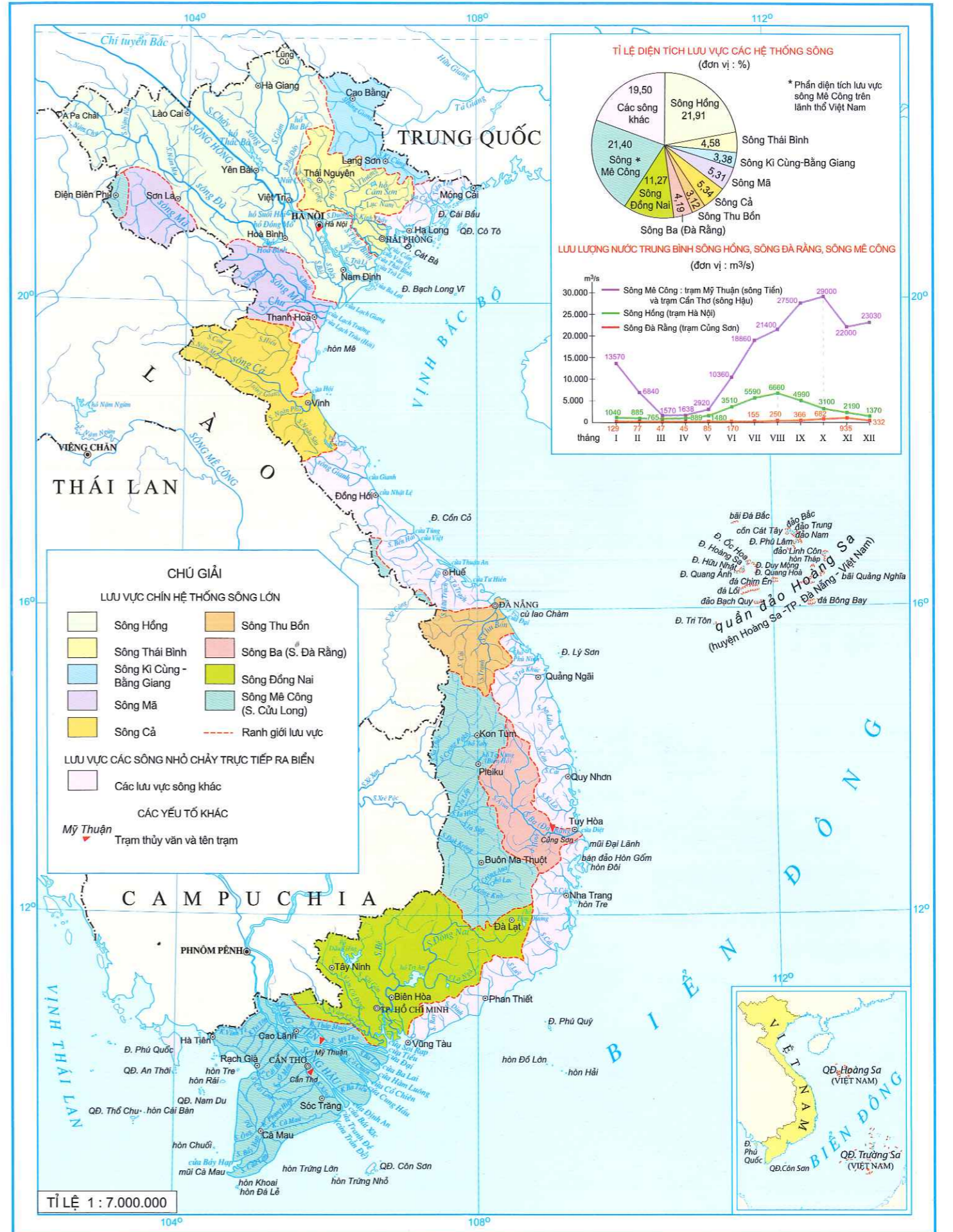
Gió phơn Tây Nam thổi tung bụi cát



Tuyết rơi ở Sa Pa vào mùa đông

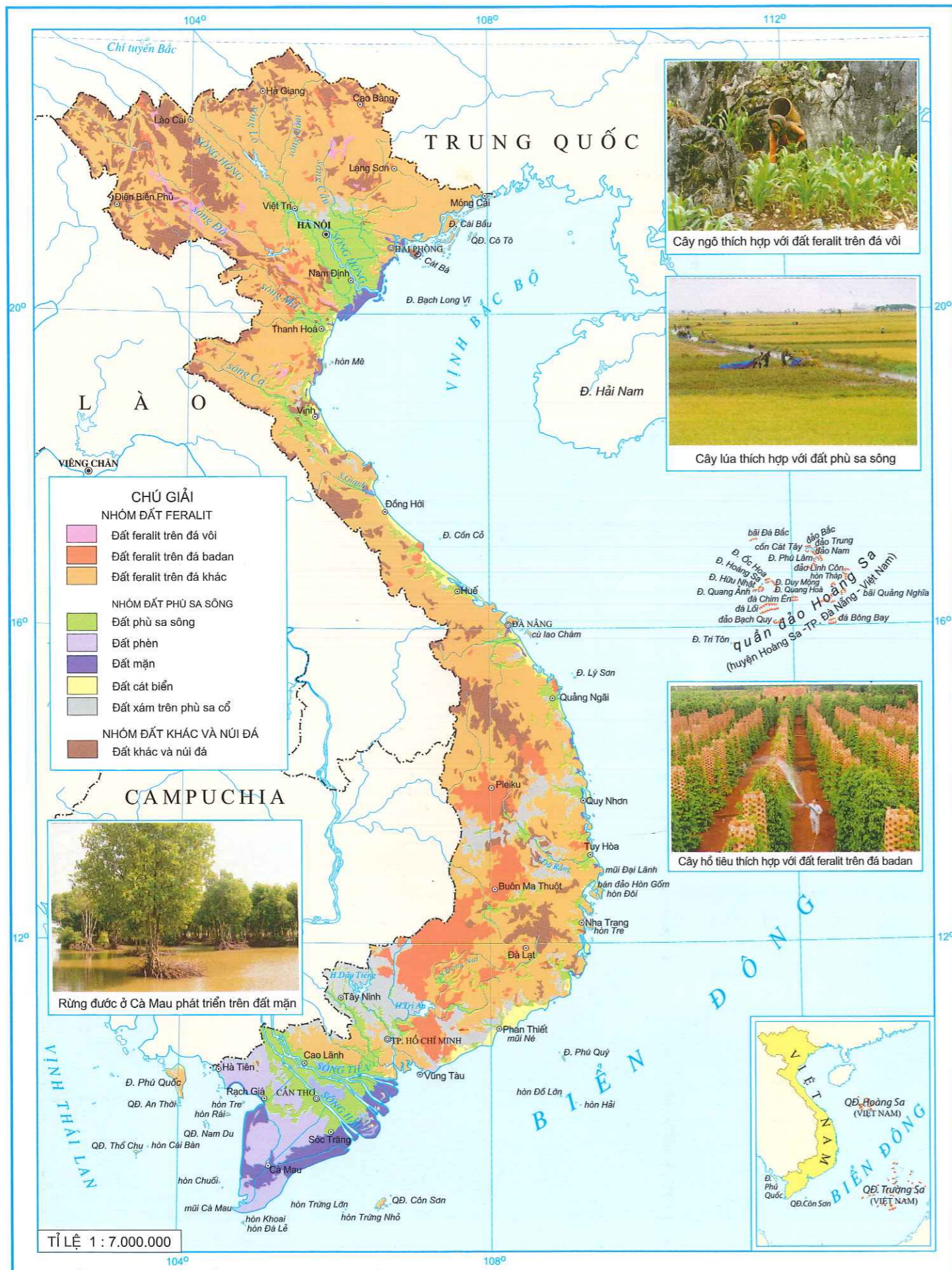


Cơn bão số 9 (2009) gây lụt lớn tại miền Trung



? Dựa vào bản đồ, em hãy xác định vị trí và lưu vực của chín hệ thống sông lớn. Các sông chảy trong nước ta chủ yếu theo những hướng nào? Vì sao? Các thành phố Hà Nội, Cần Thơ, Biên Hòa nằm trên bờ những con sông nào?

CÁC NHÓM VÀ CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH

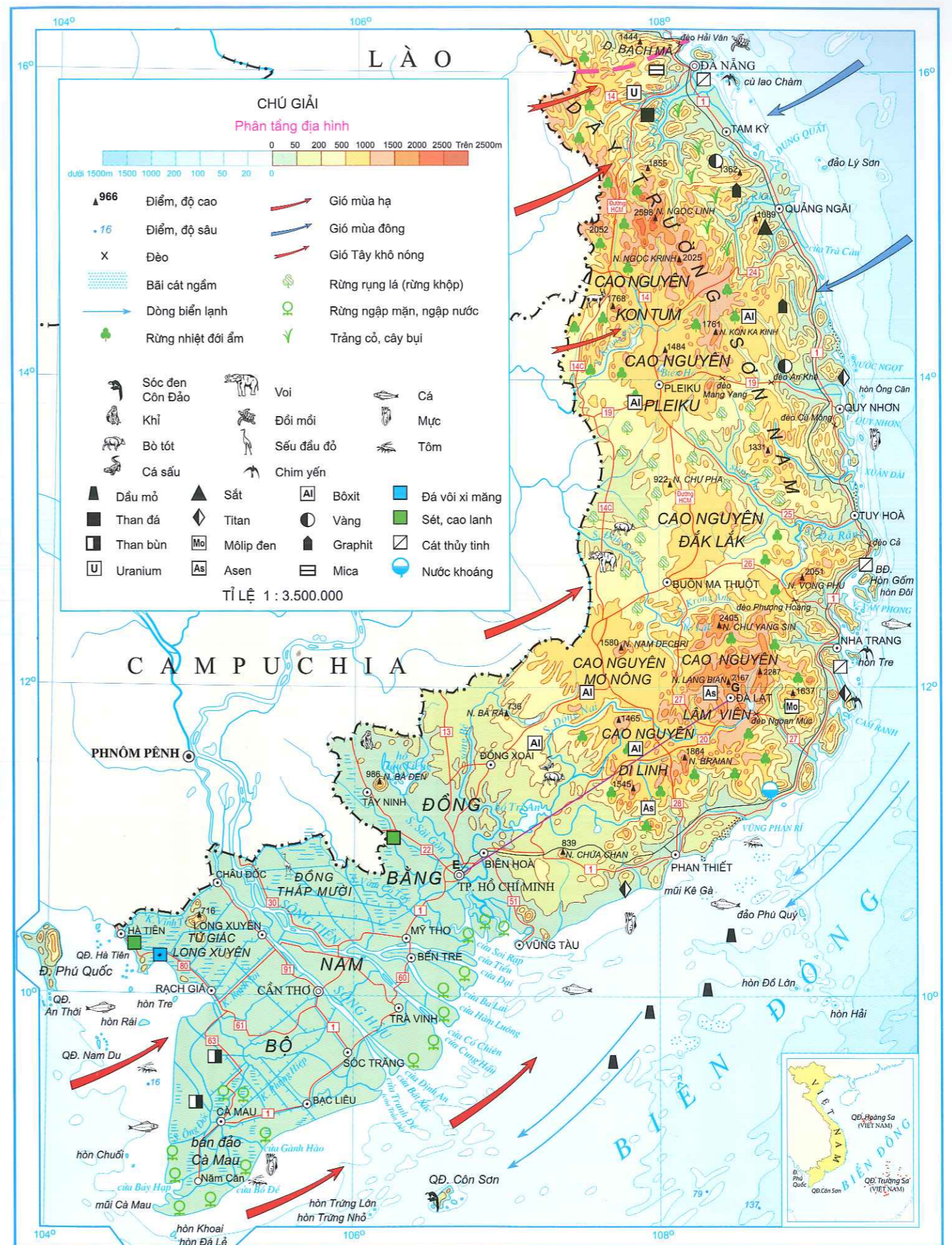


THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT



28 ? Dựa vào bản đồ, em hãy cho biết : Nước ta có mấy nhóm đất chính ? Nhóm đất nào có diện tích lớn nhất và phân bố chủ yếu ở đâu ? Nhóm đất phù sa sông có giá trị như thế nào đối với sản xuất nông nghiệp ở nước ta ?

29 ? Dựa vào bản đồ, em hãy kể tên 10 vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển thế giới. Ở địa phương em (tỉnh, huyện) có vườn quốc gia hay khu dự trữ sinh quyển nào không ?

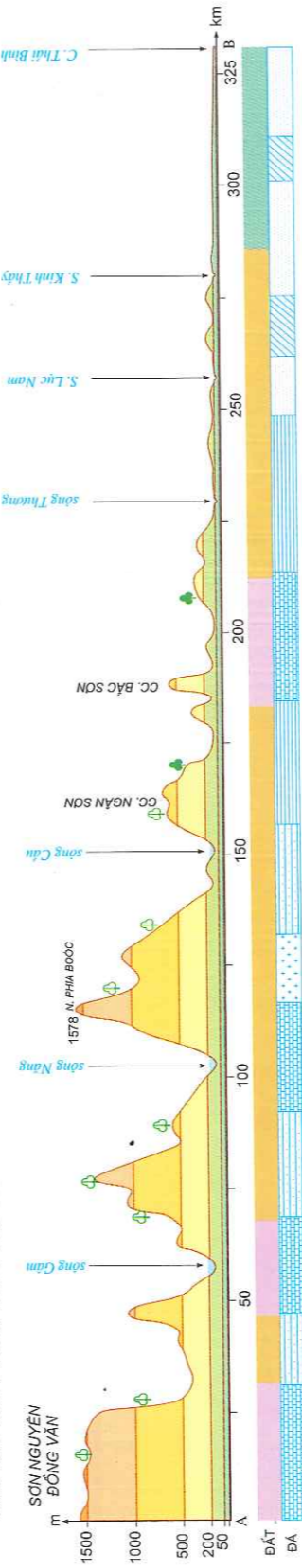


? Em hãy xác định trên bản đồ các dãy núi Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc, cánh cung Sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Đông Triều, cao nguyên Sơn La, cao nguyên Mộc Châu và đồng bằng sông Hồng.

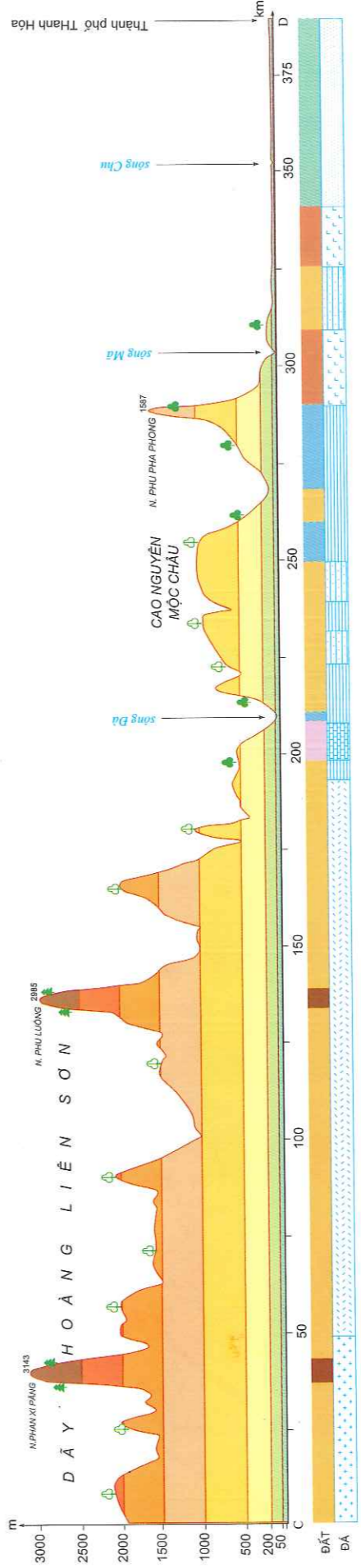
? Em hãy xác định trên bản đồ các khu vực Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có những loại tài nguyên chính nào? Phân bố ở đâu.

LÁT CẮT TỔNG HỢP ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM

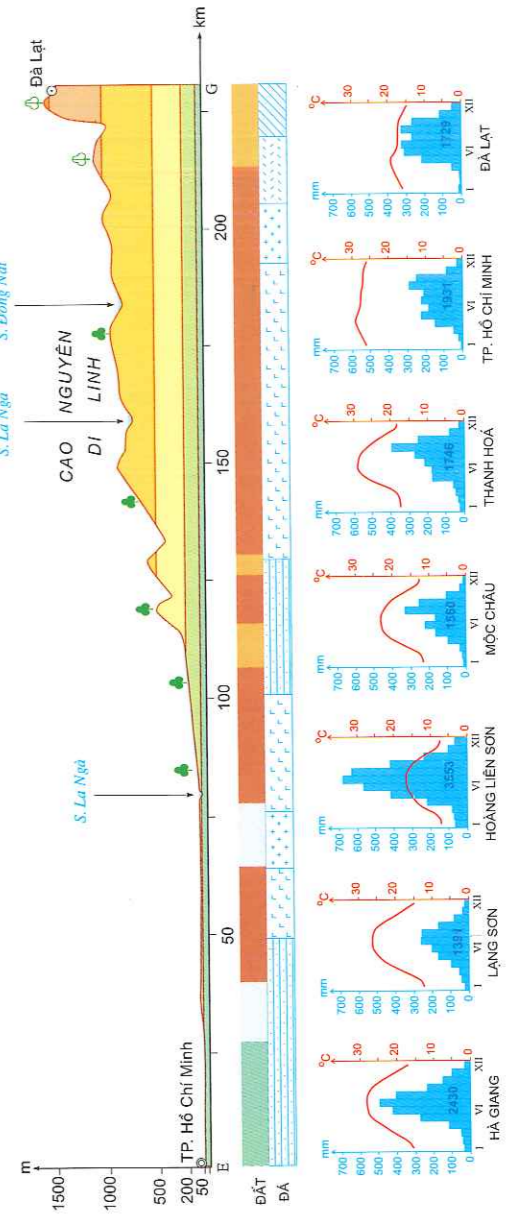
A-B: LÁT CẮT TỪ SƠN NGUYÊN ĐÔNG VẤN ĐẾN CỬA SÔNG THÁI BÌNH



C-D: LÁT CẮT TỪ PHONG THỔ QUA PHANXIPĂNG ĐẾN THANH HOÁ



E-G: LÁT CẮT TỪ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN ĐÀ LẠT



- CHÚ GIẢI**
- Rừng nhiệt đới ẩm
 - Rừng ôn đới trên núi cao
 - Rừng cận nhiệt đới ẩm
 - Rừng ôn đới trên núi cao
- CÁC LOẠI ĐẤT**
- Đất feralit trên đá vôi
 - Đất feralit trên đá ba dan
 - Đất feralit trên các loại đá khác
 - Đất feralit có mùn trên núi cao
 - Đất xám trên phù sa cổ
 - Đất phù sa
 - Đá gốc
- CÁC LOẠI ĐÁ**
- Đá phun xuất
 - Đá granit
 - Đá ba dan
 - Đá trầm tích
 - Đá vôi
 - Đá phiến
 - Đá cuội kết
 - Đá cát kết